

PHỤ LỤC BẰNG CỬ NHÂN

Họ và tên:
Ngày sinh:
Mã sinh viên:
Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**

Ngày nhập học: **30/09/2024**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Hình thức đào tạo: **Từ xa**
Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt**
Thời gian đào tạo: **2 năm (2024 - 2026)**

PHẦN I: KẾT QUẢ ĐIỂM GIAI ĐOẠN LIÊN THÔNG VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC						PHẦN I: KẾT QUẢ ĐIỂM GIAI ĐOẠN LIÊN THÔNG VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC					
TT	Môn học	Số TC	Điểm số		Điểm chữ	TT	Môn học	Số TC	Điểm số		Điểm chữ
			Hệ 10	Hệ 4					Hệ 10	Hệ 4	
1	Luyện âm tiếng Anh	4	7.9	3	B	23	Tiếng Anh 4B	4	8.3	3	B
2	Ngữ pháp tiếng Anh	4	8.7	4	A	24	Tiếng Anh học thuật	4	8.5	4	A
3	Tiếng Anh 1A	4	8.2	3	B	25	Tiếng Anh thư tín thương mại	3	8.9	4	A
4	Tiếng Anh 1B	4	8.6	4	A	PHẦN II: CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ TỪ KẾT QUẢ ĐIỂM GIAI ĐOẠN ĐẠI HỌC					
5	Tiếng trung 1	3	8.5	4	A						
6	Từ vựng tiếng Anh	4	8.3	3	B	1	Triết học Mác - Lênin	3	R	R	R
7	Đất nước học Anh - Mỹ	3	8.0	3	B	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			
8	Giao tiếp liên văn hóa	3	7.3	3	B	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			
9	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	3	6.9	2	C	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
10	Tiếng Anh 2A	4	7.8	3	B	5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2			
11	Tiếng Anh 2B	4	7.7	3	B	6	Ngoại ngữ 2 - Cơ bản 3	3			
12	Tiếng Anh giao tiếp	3	8.3	3	B	7	Tin học đại cương	3			
13	Tiếng trung 2	3	8.5	4	A	8	Pháp luật đại cương	2			
14	Ngôn ngữ học Anh	4	7.3	3	B	9	Phương pháp luận NCKH	3			
15	Tiếng Anh 3A	4	7.5	3	B	10	Lịch sử Việt Nam đại cương	3			
16	Tiếng Anh 3B	4	8.2	3	B	11	Môi trường phát triển bền vững	3			
17	Tiếng Anh du lịch	3	8.4	3	B	12	Cở sở văn hóa Việt Nam	3			
18	Tiếng Anh ngoại giao quốc tế	3	8.7	4	A	13	Khởi nghiệp	3			
19	Tiếng Anh nhà hàng - khách sạn	3	7.3	3	B	14	Logic học đại cương	3			
20	Dịch thuật 1	3	7.8	3	B	15	Quan hệ công chúng	2			
21	Dịch thuật 2	3	8.8	4	A	16	Kỹ năng giao tiếp	3			
22	Tiếng Anh 4A	4	7.7	3	B	17	Thực tập	5			

Ghi chú: Môn học có điểm "R" là môn học được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của người học.

Tổng số tín chỉ tích lũy: **135**
Tổng số tín chỉ tích lũy dùng để tính điểm TBCTL: **88**
Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10: **8.08**
Điểm xếp hạng tốt nghiệp (TBCTL hệ 4): **3.27**
Xếp hạng tốt nghiệp: **Giỏi**
Số hiệu Bằng cử nhân: **aaaaaaaa**

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 6 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐIỂM